

419
43



COTAB VIRGINIE

Trần báo

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG *

HÀO QUÁN, 5 ĐƯỜNG REIMS, SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.543



Trong số này có
những bài đặc sắc kể
ru sau đây :

1. — Danh nhân
nước Pháp : Bác sĩ
Calmette.

2. — Cuộc phỏng
vấn quan trọng-độc
Namkỳ về cách giúp
đỡ trẻ em đi nghỉ
mát.

3. — Học truyện
Tàu nên hiểu ý tác
giả.

4. — Người khi.

5. — Một đoạn
nhật ký của nữ họa
sĩ Lê-thị-Ấn.

6. — Chuyện mỗi
tuần : « Người Việt-
Nam ».

Có nhiều hình ảnh
rất đẹp và hay.

Y-VIÊN PASTEUR Ở DALAT

SỐ 61 GIÁ 0,25

NGÀY 18 NOVEMBRE 1942

Danh nhân nước Pháp

BÁC-SĨ CALMETTE

Đề tở điểm đời sống tinh thần mình, đề xứng đáng với lòng kính trọng nền y học của các nước ở hoàn cầu. nước Pháp đã có biết bao danh nhân, trong đó bác-sĩ Calmette là một.

Bác sĩ Calmette mất năm nay đã 10 năm. Nghĩ đến đời sống hoạt động, hăng hái, đến các cuộc phát minh cứu thế của ông, tôi không sao không cảm động. Ông để lại một di sản một ân nhân của nhân loại. Trước một đời lao lực chỉ để phụng sự khoa học là ân nhân

nhân quan trọng của ngài mà nhiều người được biết là thuốc trừ rận cắn và thuốc ngừa bệnh ho lao.

Năm 1891, ngài bắt đầu nghiên cứu thuốc trị rận cắn. Năm ấy, ở tỉnh Bactien, sau một trận lụt, rận Lỗ (cobra) trốn nước bỏ vô nhà và cắn nhiều người. Một số người bị cắn chết.

Ngài khám nghiệm trên cơ thể của rận, ngài khám phá ra rằng rận cắn người chỉ để phụng sự khoa học

nhân loại. Ngài khám phá ra rằng rận cắn người chỉ để phụng sự khoa học nhân loại. Ngài khám phá ra rằng rận cắn người chỉ để phụng sự khoa học nhân loại.

100 người bị cắn không chạy thuốc được, có đến 20 người chết, từ 2 giờ đến 12 giờ sau. Riêng ở xứ Andô được sự phát minh của bác sĩ Calmette mỗi năm có đến 20.000 người và 2.000 trâu bò chết vì nạn rận cắn.

Còn thuốc ngừa ho lao của ngài phát minh với bác sĩ Guérin thuốc B.C.G. (Bacille Calmette, Guérin), bây giờ dùng khắp ở hoàn cầu và ai ai cũng nhận sự công hiệu nó. Con nít mới sanh uống thuốc ấy thì trọn đời tránh được bệnh nguy hiểm ấy.

(Coi tiếp qua trang 14)



Bác-sĩ Calmette

Công nghiệp của bác sĩ Calmette? một công nghiệp vĩ đại mà ta không thể kể trong một bài báo nhỏ. Một ngành khoa học nào mà ngài đặt tay đến với bộ óc sáng suốt, có phương pháp, có kỷ luật của ngài, thì ngành khoa-học ấy được phong phú, được tiến bộ. Hai sự phát

Đọc truyện Tàu nên hiểu ý Tác-giả

Vì sao THI-NAI-AM

viết truyện Thủy-Hử?

NHƠN đọc Thủy-Hử, Cố-Hồng-Minh có nói: «Đã biết thường thức ý-vị Thủy-Hử, không ai chẳng công nhận là: Kể đã gần năm trong số chúng ta: giáo-dục sử, thật chưa một bộ sách nào có được cái ma-lực sánh nổi với bộ tiểu thuyết này. Năm trăm năm trở lại đây, trong số học giả, danh sĩ, các nước đã sâu xa ra hẳn biết bao nhiêu là kẻ an tại, tri-huệ, trước tác chẳng biết bao nhiêu là sách vở truyền-tụ trong dân gian nhưng chưa một ai đã có nổi cái bản lãnh tuyệt vời như Lui-Nai-Am vậy. Nhân cái tên TƯ-ĐẠI-KỖ-NGH, truyện Thủy-Hử với tác giả nó, không phải hồ thẹn!

Truyện Thủy-Hử, đang về phương-diện miêu tả mà nói, thì Thi-Nại-Am đã sáng tạo ra một quan-điểm đặc biệt đủ kinh người. Thứ xem bọn Tống-Giang cả thấy một trăm lẻ tám người, thế mà Thi-Nại-Am tả được mỗi

người một tánh riêng, chẳng ai giống ai, mỗi người một hoàn cảnh khác biệt, không hoàn-cảnh nào tương tự với hoàn-cảnh nào; tài tình đến nỗi lối xuất thân của

mỗi nhân vật trong truyện và địa-phương của mỗi nhân vật ấy cũng khác nhau nữa! Thi Nại-Am đã sử dụng ngòi bút một cách linh động kỳ diệu, đã nhận xét một cách tế-nhĩ lý kỳ, đi sâu có một khối óc nhờ giai-tuyệt đối.

Bộ sách ấy là phần-hưởng thuận-tùy của bọn tham quan, ó lại với một nền chánh trị bất lương. Vì thế nơi-nơi đều biểu hiệu một bọn cường-hào và nổi lên một sức phản kháng. Một trăm lẻ tám vị anh-hùng trong truyện tự ý, tự nguyện ra tay cứu khổn phò nguy vì thế họ

không làm, không dựng. Cái tài nghệ, cái nghĩa-cử, cái khi-khải cứu bọn Tống-Giang đã bộc lộ, đã hoạt động trong truyện Thủy-Hử, khiến người đọc ham mê, sôi nổi, hăng-hái và cảm phục...

Văn bút truyện Thủy-Hử đã không kém Tam-quốc-Chí mà lại còn bao hàm được cái ý nghĩa sâu-xa: bảo tồn thổ-ngữ rất nhiều.

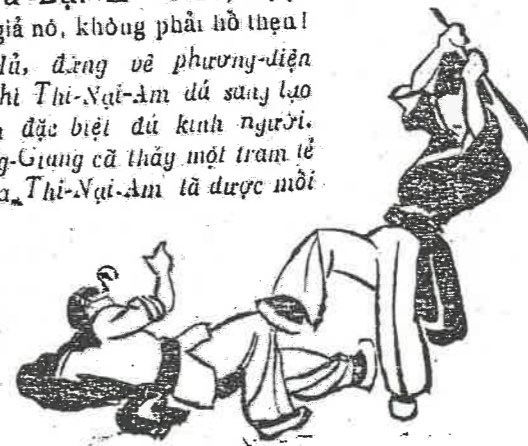
Đọc Thủy-Hử — nguyên tác — chúng ta phải bối rối trước những thô-ngữ mà tác-giả đã dùng để giữ nguyên vẹn bản thể, song khi đã chịu khó tra cứu rồi, chúng ta lại thoả mãn vì không

những nhận được cái hay trong văn pháp mà còn giúp thêm cho sự học thức thêm dồi, thiếu thốn của ta. Có gặp những sách như thế, có đọc những chữ như thế, mới giúp vào kiến văn của ta thêm rộng, mới thấy sự ích lợi của người đọc. Tuy nhiên, chỗ tưởng làm văn, Thủy-Hử mất mỏ quá, trừ phi hụng học rộng, hiểu nhiều mới lãnh hội nổi. Dùng một lối văn trang nghiêm, đẹp để song giản-dị, phổ-thông. Thi-Nại-Am, khi viết truyện, đã nghĩ

đến truyện mình cần phải phổ cập vào quần chúng. Nếu vì văn-nghệ hay vì một thiếu số học-văn uyển bác, chắc Thi-Nại-Am đã không cần-cù, tận-lực, trong bao nhiêu ngày giờ đã hết đầu óc sáng tác giai-phẩm này.

Miền-tả nhân-vật, cá tánh mỗi người trong truyện đều như thiết nói, thiết làm, trên mặt giấy. Cả đến vật sắc cũng thế.

Từng san - định truyện Thủy - Hử. Kim Thánh Tháng có viết rằng: « Người viết (Coi tiếp qua trang 13)



NGƯỜI KHỈ

Nhơn đọc « Người tuyết » của Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn, tôi bỗng nhớ đến « người khỉ », một hạng người vong bản, khi ông cha, quên tổ-Quốc.

TRONG « Cours d'Administration » của Luro, một trong những người trước tiên đưa cai trị xứ này ở buổi đầu thời kỳ Pháp thuộc, người có ý muốn đem chủ-Quốc, từ để thay thế cho thứ chủ-cổ truyền, thông dụng ở trong nước đã từ mấy mươi thế-kỷ rồi : hàn-tự. Cái ý muốn ấy sau được đem ra thi hành ngoài địa-đai Nam-kỳ, bằng cách bãi bỏ các khoa thi chữ Hán ở Bắc-kỳ năm 1915 và khoa Mậu-ngọ 1918 là khoa kết cuộc thi hương ở cả nước Nam.

Khoa cử là con đường độc-nhút đưa các nho gia vào con đường sĩ-hoạn, nên khoa thi chữ Hán bãi bỏ, những người sanh sau chỉ được và cứ lưu-lưu đạo luyện ở các trường tân-học của người Tây-phương. Bởi thế nên họ ù ù cạc cạc về cái tinh thần của nho gia, lên án cái học-thuật cũ mà không thấy cái hay của nó, ca tụng và đi theo đòi cái văn-hóa mới. Vì vậy, họ thiếu cái căn bản làm chủ cho một nền học-thuật.

Họ — lớp người vừa nói — nhắm mắt phong chức theo cái văn hóa của người và trong cuộc thi chạy đua tới đích nghĩa là học trở nên một người Tây-phương hoàn toàn, họ qua sảng sột và hấp tấp, không có thì giờ để quay về dĩ-vãng.

Sự bất chước người đến triết đề ấy không thể nào thi hành được, nếu không hi-sanh tất cả những phong tục cổ truyền, những tập quán cố-hữu, những tư tưởng cầu hay dấu dờ

Vàng Quận-Chúa, chả Quận-Công,
Điện toàn đồ đẹp, ăn rỗng miếng ngon,
Gần xa nó nổi tiếng đồn,
Nữ trang ngọc thạch, bánh dón phồng lóm,
Sáng mai cho đến chiều hôm,
Quận-Công, Quận-Chúa luôn luôn chặt
Saigon chỉ có hai nơi ! [người.

của ông cha, tóm tắt là tất cả những gì có tánh chất Á-đông.

Khâu hiệu của họ là phá hoại và phương châm là nhứt thiết việc gì cũng làm giống y của người Tây-phương.

Phá hoại : ở địa hạt tinh thần, bẻ gãy vòng cương tỏa của phụ-quyền, nền tảng của gia-đình; sự thờ kính ông-cha ngày nay hầu không còn g hệt. Con gái thì cha mẹ đặt đầu không còn ngồi đó nữa — người ta đã làm tiếng về vấn-đề này. Bên nhưng trong gia-đình mà gia-pháp còn chắc chắn, con cái cũng muốn đòi tự-do trong việc sanh sống. Họ gọi là thoát-ly.

Còn kiên-đết ?

Nếu không bị quan, chúng tôi xin kể các bộ đồ tây mới, cái nơ màu, đôi giày box-calf thế cho đôi giày Gia-đình bông. Và còn gì nữa? — Cái bát tay, cái ô-hoa điệu tango, rumba.

Cũng có người nhận thế, lời nhận xét của họ cũng là một, đúng với sự thật.

Họ tới đích rồi. Giờ đây ta hãy thưởng công cho họ chút ! Nào có công gì ! Rán tới đích họ mệt đuối rồi hóa ra « người khỉ » — theo như lời của Jules Boissière nói : « On nous avait confié des enfants, nous avons rendu des singes. »

Thật là chua cay !

Vài nhánh lá còn sót lại của gốc nho tàn thấy thế, bị lột miếng than : « Ôi cái nho phong còn đâu nữa ! » và « Thôi, có ra gì cái chữ nho, ông nghề ông công cũng nắm eo ».

Họ tưởng con cháu họ không bao giờ cầm đến cây bút lông nữa.

Không ngờ một đạo nghị định của quan Toàn-quyền Jean Decoux ngày 5 Mai 1942 lại lập một nền học cổ-điển Á-đông, dạy từ lớp sau đến lớp nhứt ban trung-đẳng, mục đích là cốt cho học trò thông đạt nghĩa lý trong các kinh truyện, trong Đại-học; Thi, Thơ, và để có một chút ý-niệm về văn-hóa của người xã-hội cũ.

Giờ đây Chánh-phủ đã công nhận kiến-thức của quan cố Toàn-quyền P. Pasquier là đúng ?

P. Pasquier, lúc còn là một Công-sứ ở một tỉnh ngoài Bắc có nhiều lần gặp những trẻ chúng mới lên năm mà đã lấu thuộc Tam-tự kinh không sót một chữ và có thể trả lời được những câu sơ vấn về luân-ly nữa.

Không phải ngài muốn cho rằng cách dạy dỗ theo Pháp là ke n, mà chỉ rằng muốn bỏ cái học tô-truyền của người Việt-Nam theo đạo Khổng-gia bằng Hán-tự là một diêm lấm to.

« Bỏ nó — lời ngài nói — tức là phá đổ cái nền tảng luân-ly của đời sống họ. Những qui-tắc của họ, mà chính nó làm cho gia-đình có thế-lực, cha mẹ được quý kính, công quyền được vững meo, đều rút ở các sách học của họ. Khi không tập đọc Hán-tự, họ cũng học một lúc những điều luật cầu hôn của luân-ly. Sự học ấy đã tự mang theo nó một phần tương-rối ».

Ngài lại còn kêu gào : « Chúng ta không nên phá bỏ cái gì của nền tảng xã-hội cũ Á-đông ; nếu không trong Hán-tự mà trong mọi chữ, tư-tưởng đương-may vọng ».

Lời kêu gào ấy, dù dè trong tâm người Việt-Nam, bao môi cam tiêu nặng triệu.

Nhưng lúc ấy (1907) tiếng ngài còn nhỏ qua !

Lần lượt các khoa thi chữ Hán ở trong nước lần lần bị bãi bỏ (1913-1918), mai đến khoa-

học 1942-1943 mới hồi phục trong lớp học cổ-điển Á-đông. Mà bây giờ là cái học nghĩa lý chớ không phải cái tệ trích cú làm chương như ở thời-đại lều chiếu nữa, đúng như lời nguyện-ước của một người — Nguyễn-bá-Trác — lưu tâm đến cái tiền-đồ của nền văn-học nước nhà, rằng « sau này sẽ có một ngày kia, học mới, học cũ cũng chung đúc lại một lò, mà thành ra một nền văn-học riêng của Việt-Nam ta, thế thì con đường học vấn nước ta vinh hạnh biết là đường nào ! »

Thanh-niên-tân-học sau này vừa có cả cái học cũ và cái học mới.

Người vừa thông nho vừa suốt tây mới sử dụng được ngòi bút một cách đặc-thể. Nền văn-học Việt-Nam ta có thể trông cậy ở họ sau này.

Và từ rày, chúng ta cũng đỡ lo cái nạn của Jules Boissière nói đó nữa.

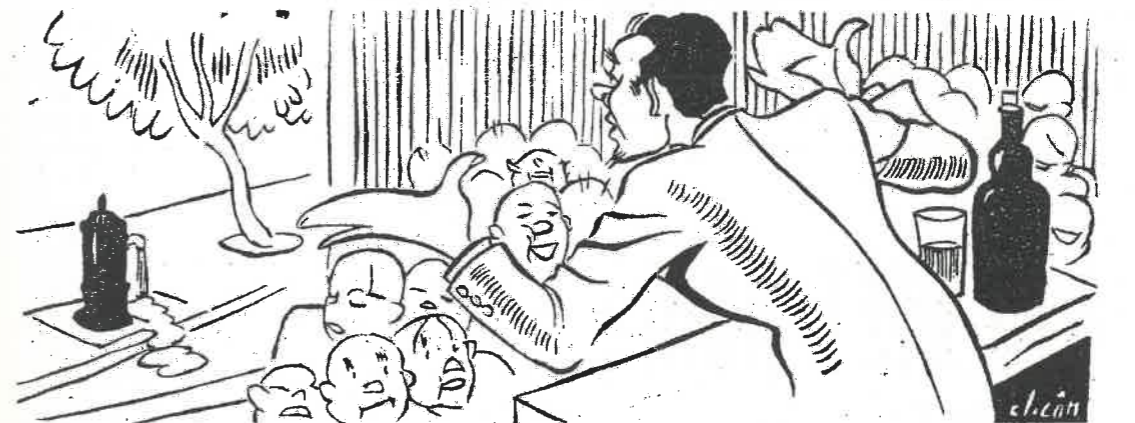
HƯƠNG-TRÀ



Nam - Kỳ Tuần - Báo

là tờ báo đáng đọc nhất ở Nam - Kỳ

TRƯỚC 1939



— Các ông cử-tri yêu quý ! Tôi không bằng lòng những cái máy-nước cứ chảy ra nước hoai hoai như vậy ! Chúng ta phải làm thế nào cho một ng y kia nó chảy ra cà-phê sữa, mà không có lộn một giọt nước nào cả !

Giống Mối ở Đông-Nai thượng

(HAUT - DONNAI)

(Tiếp theo)

N GƯỜI Mối rất thích người Nam ta vào xóm chúng, chúng sẽ tìm gà, tìm vịt, hái bí bát bầu, làm cơm gạo đãi khách. Gà luộc, vịt luộc, bầu luộc mà bí cũng luộc, luộc tất cả chứ không làm gì khác nữa đâu. Cơm thì đồ ra ra, thịt thì để trên lá chuối, muối ớt để trong công (chén) thế thôi... ai nấy xúm lại lấy lấy xé thịt, lóc cơm mà ăn chứ không chén đủ gì cả. Lúc ăn thì chúng chuyện trò huyền huyền, hoa tay múa chân và nốc từng chén rượu tuyền và hút từng điếu thuốc lá to bằng ngón tay cái. Suốt đời chúng chỉ có rượu và thuốc là niềm đam mê nhất. Đời không rượu là coi bỏ của chúng. Với chúng, có lẽ bệnh tật mà uống rượu và hút thuốc.

Cách kiểu nấu rượu của chúng rất đơn giản; chúng ra rừng bứt thứ lá « Lỗ-xô » tựa tựa như cây rau sam của ta, đem về giã nhỏ với lúa non để lên mốc 1-2 hôm. Rồi nếp thì đem giã nhỏ bỏ vào tủ, cứ một lớp nếp thì một lớp men. Đây hủ, chúng đem trét kín lại để hai tháng hoặc ba tháng lâu chừng nào ngon chừng nấy. Đến lúc nếp lên men trắng rượu, chúng gõ nắp ra, đổ nước vào mà uống mù nọt và như rượu « rôm » của ta. Có bọn rót ra chén mà uống, có bọn dút vào hủ đôi ba cái ống tre nhỏ rồi ngậm mà hút, y như ta uống « bia », và giống như cách uống rượu cần của người Mên và Lèo vậy...

Savon VIET-NAM
Tốt nhất

Còn thuốc thì chúng trồng trên những đồi cao hay xung quanh nhà và muốn hút thì đi lấy ra nhất là trong rừng mà hút, có khi nhai luôn là cho đến say rồi rồi nốc chén nữa là nó ngủ một giấc dài... Rất dân dị và rất bình tĩnh!

Vệ sinh

Chúng chết rất nhiều về bệnh tật và không bao giờ uống thuốc. Thường thường là bệnh phổi và bệnh truyền nhiễm, bởi vì chúng cứ ưa thân hình tự nhiên ra với nắng mưa, sương gió và cũng vì chúng ở lâu chạp quá cũng có.

Có một đứa bị chết về bệnh dịch sớm hay muộn cả làng cũng chết hết, thiên, cao dục không muốn tránh hẳn chết, chúng dọn xóm ở chỗ khác mới thôi. Có một đứa 10, một đứa đau bụng hay phù thũng thì chúng cứ để là bị « ma lam », chúng cứ lo cúng cấp và van vái cho sống, khi đứa bệnh theo ông theo bà mới thôi!

(Hủ g nó để ? Mụ bà (Bồ Djâu) cắt nhau rún bằng d o tre, eo lùn bụng áp như ta áp lủa và cho uống rễ cây lau truyền từ đời ông bà cũ cũng, và... chỉ trong năm ba ngày, đứa trẻ vẫy đi tản, đi làm việc như thường!

Vì thế mà : đứa con lên s i chết, n uoi mẹ sâu hậu chết, và như vậy chúng cho là thường!

Chúng có nghề ? Hàng lễ tắm rửa sạch sẽ, chúng lại lấy tro hay là cây lá ai n o ch à xác củi giã, như : do ghé lại mọc ulieu hơn và lấy đi cúng cả người nhà...

Một trận mưa hè chin chụ đứa mắc bệnh lác. Minh mảy cũng lở loét và dầy, vậy, M i không lác sao được ? Chúng còn cầm con mắm ở tay một rồi sang qua tay trái, mút cái tay vừa dính mắm để vuốt com và thính lách, nếu chúng ngứa ở đâu là chúng đưa tay lên gãi liền. Tự nhiên lắm!

Thịt trâu chết hai ba ngày, chúng còn xé ra ăn. Có khi xach về cả đuôi treo bên giàn

bếp cho khói đen, rồi hề muốn ăn là xé xuống ăn thịt heo thì chặt ra từng miếng nhỏ ở c o v o ghè to, bỏ vào nọt t y muối để ăn hằng năm ba tháng, dòi, ho, lút-nhút. Còn uống thì hoặc nước sông suối, ao l o hay cũng mấy l o nước xanh d y, không chọn lựa, khát đâu là uống. đó mà thôi!

Thần ôi ! biết đến bao giờ chúng mới được khai hóa mở mang. Liê đ e khoa học về sanh để tránh những cái nạn bệnh tật và nạn lụt lội chúng!

Mới rồi nhà nước ra lịch về cho làng, xã mới đem, còn cháu đến thị xã G a-rinh cho học, cốt ý mở mang trí tuệ chúng nó. Cái th i h i ý ấy hay thực, song theo thiếu trí của tôi. tôi tưởng rằng trước hết cho rơi vào trí óc chúng nó ảnh hưởng của khoa-học, vệ sinh để chúng nó biết cách nào nên sự sống lâu dài, con l i cháu l i, để theo lời của ngài Ducorov đã nói: « H i g - Pháp ta rất r ian về giống d i khỏe (Sports jeunesse d'Indochine ngày 16 septembre 1943). để dự bị những ngày về vang sấp đến.

Lễ nghi

Tánh chúng rất thích náo nhiệt ồn ào. Không có dịp vui nào chúng bỏ qua không kèn trống và đờn ca, nhưng chỉ có mỗi mùa lúa chín, gặt h i vừa xong là chúng cũng kiến và ăn chơi long trọng mà thôi; chúng chưa hề trời (Djanc) thì chẳng bao giờ chúng dám đem lúa về nhà.

Gặt xong, chúng gom góp lúa lại thành một đồng to rồi cắt bên cạnh một cái nhà tựa như cái rạp của ta, rồi dắt đến đây một con trâu tơ rồi buộc vào một cây cột thường thường đến tổ chừng mới khởi hành nghi lễ. Hàng chục hó được đốt lên nghi ngút và xung quanh đồng lúa đang cháy rần-rần có đến mười mấy

người mọi ở trần, đầu giắt dây hoa và lá, nhảy múa, hò hét, tay chiền tay trống làm thành một cảnh lễ hội hùng, y như trong câu chuyện ti ẩn thoại này xưa. Như thế, độ một tiếng đồng hồ thì chúng ngừng lại im lặng cho đến tiếng thờ cúng nghe được rõ ràng, để tiến vào chỗ pháp-sư (O -Djau), đầu quấn khăn đỏ, mặc áo rần-ri, vắn chân chít-chi. Pháp-sư vừa đi vừa múa, vừa đọc một bài kệ (cà-von) bằng một giọng mơ hồ huyền bí. Lúc ấy, cỏ cây r h i chạ quay, sông suối như dạt dào, trời đất như



rung chuyển và ngọn lửa cũng phừng phực cháy lên đồ ừng cả một khu rừng.

Xong bài kệ, pháp-sư làm phép búi b i, âm từ rồi dơ cái trống con lên đánh một tiếng, tức thì có một lên mọi lực-lượng năm một cái mặt thật nhộn và sáng, chạy a vào con trâu và thọc huyết. Thế rồi bao nhiêu kẻ xung quanh già trẻ, bé lớn hò hét, nhảy múa ca hát rầm rĩ như một đoàn âm binh đi chinh phạt.

Con vật hi-sinh đã ngã, chúng kéo vào quanh lên đồng lúa, mùi lông, rúi da toát ra khét lẹt, máu mủ chảy xèo xèo, vừa tan điếu thuốc, chúng kéo trâu ra rồi nào dao, nào chạ gạt,

chúng xé thịt hanh đa lói từ miếng to đồ ừng, máu m i còn dầy để ăn, nhai nuốt và diễn lại cái cảnh tự muốn nghìn năm xưa: ăn lòng ở l o i T i r n g chực hủ rượu cạn lặn lặn, từng khúc thịt b i n đi trong nếp nhảy cho đến lúc rạo rạo lên đến tận cổ, chúng mới ngã ra, v o lấy trống, l i n kèn, l i n chiền và hòa lên những điệu nghe loạn-xi, hoang đàng, củ-kỳ tự, thời xa thượng cổ.

Cho đến gần sáng, bên đồng lúa khói tàn than lụn, gổ đầu lên kèo, l i n trống, l i n xuong trâu, l i n g lá mà ngủ... nên như chẳng biết bao giờ tỉnh dậy! **THÁI-HỮU-THÀNH**

NGU'ỒI VIỆT-NAM

TƯỜNG là chuyện chỉ lạ thường, chớ nói đến người Việt-Nam, tôi không cần một mảy tài-liệu vật-chất chi cả!

Tôi thề với độc-giả rằng trên bàn viết của tôi trong giờ này chẳng có một cuốn sách, một bức ảnh hay là một tờ nhật-báo Pháp cũng Nam. Tôi chỉ biết dùng một cái tài-liệu thiên-tạo, hay là nói trắng ra, của song thân tôi tạo.

Bàn tay trái để lên trên ngực phía bên trái, rồi tay mặt cầm viết.

Một cái đồng-lục gõ vừa nhẹ-nhẹ vừa đều-đều, hình như những tiếng nho-nhỏ ở trong nói ra để mặc bảo những tài-liệu cho ngồi bút một cách huyền-bi vô cùng.

Nếu Trái tim là cơ-quan của tình cảm, thì tôi xin phép dùng tình-cảm để vẽ chơn-dung của người đồng chúng về một vài phương-diện, thay vì dùng trí-hóa.

Mấy tiếng « Người Việt-Nam » nhắc nhở cả ngàn năm xưa của tổ-phụ và khuyến-khích một cái tương-lai vô-hạn của hậu-tân.

Trong giới hạn của một lãnh thổ mà thủ-đô gồm những ngôi mộ nghiêm trang và có mùi hương khói lên ngai-ngút, người Việt-Nam sống với người chết.

Trái qua bao nhiêu lần Bắc-thuộc, bao nhiêu cuộc Nam-tiến, họ vẫn bảo-vệ được cuộc sanh-tồn rất vẻ-vang để lưu lại cho con cháu biết bao nhiêu đài kỷ niệm, biết bao nhiêu lời di-chức oanh liệt.

Kỷ niệm, di-chức để chỉ huy bọn còn đương sống, bất cứ trong trường hợp nào.

Một tảng đá củ mềm nằm dựa bên đường có thể làm mê-mẩn một tâm hồn, rồi trong trí ta hiện ra một màn chớp ảnh coi không hẳn như: bao nhiêu khúc khải-hoán, bao nhiêu phen chiến đấu, ông cha ta không hề đổi sắc-diện, mặc dầu thắng hay bại.

Trong màn chớp ảnh tiên-thuật ấy, ta thấy bao nhiêu hoạt-động, bao nhiêu trí-huệ của người Việt-Nam nho-gia. Họ biết tạo gia-đình xinh tốt, họ biết lập xã-hội nhơn-hoà trên những vùng địa-lợi, nhiều khi họ chiến thắng cả thời

trời. Ta thấy cái nét mặt bình tĩnh, cái nghị-lực sáng suốt của họ để điều-khiển các sắc dân cho hợp cái thuyết « dân chi phụ mẫu ». Họ chẳng xung đột với nhau về tôn-giáo, họ không hề phân giai-cấp trong việc xã-giao.

Ái lại không nhớ chuyện một người phương Âu lạc nẻo tình cờ, phải bước chơn lên đất hình chữ S, trong túi chẳng có một đồng tiền kẽm. Thế mà được đi từ Nam chí Bắc, đã không một ai hãm-dọa, lại còn khi đói được người Việt-Nam đãi một mâm cơm với cá, khi khát được giải lao bằng nước dừa, bằng trái cây là khác nữa.

Người Việt-Nam ấy vẫn còn sống với ta. Như thế, người chết vẫn sống, còn người sống vẫn sống hoài.

Sống tốt chưa đủ, lại phải thêm sống hay. Trí hóa hay, tay, chơn, cũng hay.

Tôi nhớ hoài cái ngày đầu của tôi được coi người Việt-Nam tranh tài banh tròn với bon Hải-quân Anh-quốc của chiếc chiến hạm Durban tại Saigon. Họ thiếu lực mạnh, nhưng họ vẫn lạ-lùng, gan dạ làm sao! Họ cứu danh dự bằng một cái kết quả cầm đồng, nếu tôi không bị trí nhớ bội-phần. Một người sĩ quan Anh đứng gần tôi khen họ vào hàng quốc-lễ.

Cái « hay » ấy ở trong người có gương mặt khờ-ai lại thêm có nhơn-tình nữa, thì chúng ta nên lạc-quan cách nào?

Trong trận giặc 14-18, lại một cháu-thành lớn bên Pháp, một toán lính Việt-Nam và lính thuộc-địa khác phải quyền cảnh-sát để giữ trật-tự cho một ngày đại-hội. Cùng chúng bên Chánh-quốc cả dấn qua đứng phía bên lính của mình hành-sự, còn phía bên kia họ bỏ trống lồng.

— Người Việt-Nam có nhơn-tình. Nghe qua những lời phê-bình như vậy, chưa biết đúng cùng không, song chúng ta là người Việt-Nam nên mừng lòng đến sa nước mắt.

NAM-LONG-KÝ

CƠ-QUAN ĐỂ GIÚP CHO TRẺ EM ĐI NGHỈ MÁT

Hỏi. — Bẩm quan Thống đốc, Radio Saigon xin có mấy lời kính tạ ngài sẵn lòng chỉ vẽ cho cuộc phỏng vấn này thêm đủ tin tức. Ông Dureau, Tổng thư ký của hội O. C. E. P. I., đã giúp cho chúng tôi biết rồi những phương pháp hành động và sự ước vọng của cơ quan ấy. Chúng tôi sẽ lấy làm hân hạnh mà được biết ý kiến riêng của Vị đã cố võ cho công cuộc đó.

Trả lời. — Hội O.C.E.P.I., một cơ quan để giúp cho các trẻ em nghèo được đi nghỉ mát, đã thành lập rồi, bây giờ là đến lúc thất hành. Chúng ta cần phải cứu giúp liền những kẻ nghèo khổ, chẳng nên chờ cho đến khi các cơ quan phước thiện của chúng ta được cực kỳ hoàn bị mới thi hành. Điều cốt yếu là phải hành động, mặc dầu chưa đủ tài liệu, nhất là vì sự an lạc và hạnh phúc của hằng ngàn trẻ em.

Khi chúng ta lo tổ chức các trại nghỉ mát, đó là chúng ta đem sự mạnh khỏe mà gieo cho đám trẻ nghèo, là món mồi sẵn cho các cơn ma binh rình chờ khuấy nhiễu, đó là chúng ta ban một thức ăn bổ khỏe mà đám trẻ ở nhà tranh vách lá đang như khờ-g bao giờ hưởng được, đó là chúng ta bày cho đám trẻ ấy những cách chơi đùa mới mẻ ở ngoài trời, tập luyện thân thể được nở nang chắc chắn, đó là chúng ta đào tạo cái tương lai về thể lực cho một dân tộc vậy.

Nhưng đó cũng là đào luyện sự vàng lòi chịu lụy; sự dễ ăn dễ dạy, dễ khơi đầu nân đức những khối óc non nớt và những kẻ phóng túng ngược ngang, đó là chúng ta làm cho nảy nở cái tinh thần đoàn kết, đó là bước mà đầu chúng nó để trên con đường kỷ luật để qui định việc xã giao ngày sau, trong khuôn khổ của một đoàn thể được điều hòa.

Khi hội O.C.E.P.I. để lòng chăm nom đám trẻ em hân khổ, Hội ấy được cái công đức là cứu giúp về phương diện vật chất những sanh mạng vì số tiền định bắt phải sống giữa những điều

nguy hiểm trong một gia-đình đôi khi không liên lạc hay là quá ư vất vả thất thường.

Hội O. C. E. P. I. làm cho những khối óc non nớt kia yêu đương một cách vững chắc cái nhà của cha mẹ mình mà người Annam, theo tục lệ xưa, ai ai cũng triêu mến; làm cho chúng nó biết kính trọng cái « Phạm » nghĩa là nền nếp khuôn khổ của mỹ-tục. Hội ấy làm cho cái tổ gia đình nhà kẻ lạc loài không bao giờ niết tới, được sanh tồn trụ vững cứu trong vòng trật-tự vậy.

Trại nghỉ mát của trẻ em nghèo là một món khí cụ giáo hóa, để làm cho chúng nó tránh khỏi những tác hại hư-vi kỷ, để để chúng nó sống trên qui mô đoàn thể, giúp cho chúng nó trưởng thành và tiến nóa trong khuôn khổ kia.

Công cuộc của chúng tôi làm rất hợp với nhân đạo và được khắp nơi hoan nghinh hưởng ứng một cách mà Bồn chức cho là nhiệt thành. Hiện nay chúng tôi có thể định rằng có gần 50.000 \$ 00 tiền quyên tặng sẽ giúp cho chúng tôi chi tiêu về những sự cần thiết buổi đầu. Lại nữa, một nhóm người vừa thành lập ra, để giúp áo quần cho trót ngàn trẻ em trong Hội của chúng tôi, há chẳng phải là đứng với sự ước đoán kia sao?

Cái sáng kiến của người Namkỳ trong công cuộc từ thiện này đối phó rất xứng đáng với lòng bác ái của họ.

Hỡi thế cho nên chẳng phải Bồn-chức khêu gợi sự làm phước của dân chúng giúp cho Hội O.C.E.P.I. Đó là việc thừa. Bồn chức chỉ cho các nhà hảo tâm thiện ý đương chờ có dịp mà biểu lộ ra, biết đâu một con đường mới đã vạch sẵn cho họ đi một cách tự nhiên. Và họ sẽ được vui sướng là tự mình kiểm soát những kết quả tức thì của lòng quảng đại của mình.

O.C.E.P.I. đó là chúng tôi khởi đầu chiến đấu với các nhà lá, các c ổ ở đơ đầy tối tăm, để nâng cao cái trình độ xã hội của đám dân ở trong các nhà ấy vậy.

Manila, ngày 8 Décembre 1941

N GAY nay, ở trên tàu « *Maréchal Joffre* » với một tập nhựt-ký viết từ bến Saigon tro g những hàng chữ không văn-chương mà tôi cứ cố gắng dung-hóa với một cái trí-nhớ không thứ tự. Xa quê-hương cả mấy trăm hải-lý, mà vẫn được gần đã tỏ trong thời gian, tôi tự nhủ rằng ra ngoài-quốc, mặc dầu là tài sơ, tôi đã đem theo, trên mặt cái rương tranh của tôi, cái biểu hiệu « Việt-Nam nữ-sĩ ». Việt-Nam! Qui là thay hai tiếng này, khi chúng ta xuất dương!

Tôi đi đây, có hai mẹ con: con tôi là một đứa trai mười hai tuổi. Vẫn biết tuổi này nó cần phải học tập, nhưng mà chương-trình của tôi định đi đến San-Francisco triển-lãm, sau khi qua Phi-luật-tân và Thượng-lai, nên vì đường xa ải, tôi không đành để con tôi ở lại học-tập tại Saigon.

Công-nhu của tôi tập luyện từ năm 1938, tôi đi ra với một cái rương đựng trên 50 bức tranh vừa nhỏ vừa lớn. Tuy không dám nói đó là nghệ-thuật nước nhà, nhưng cũng do một tay địn-bá Việt-Nam làm ra. Nhờ thế, cũng đủ cho tôi giải nghĩa một cách khiêm nhường cái chương trình xuất dương rồi.

Ngày 12 Juillet 1941, « *D'Artaçnan* » kéo neo, tôi từ giả đất Saigon trong cảnh êm ấm, từ ngày ấy tới nay trong việc hành trình đi ải g diều chi lạ. Cuộc triển-lãm thứ nhất ở Hôtel Manila ngày 22 Août và cuộc triển-lãm thứ nhì trong tổ-giới công-công Thượng-lai ngày 26 Octobre 1941. Tôi có thể nói rằng đã được một cái kết-quả vừa đủ trả lời cho cái công khổ và cái hi-vọng của tôi.

Tại Manila, trong một tuần công bố mỹ-thuật, dân-chúng đã tỏ ra một lòng nhiệt-thành ít có. Bữa ban đầu, còn ít người xem, qua mấy bữa chót người ta chen lấn nhau đơng lăm. Cho đến đôi tôi đứng kể những bức tranh mà họ không hay, họ xô lấn, tôi gần té. Những bức tranh giá tới 200 đồng Đông-Pháp thường được mua, không trả giá.

Người Phi-luật-tân, họ có tánh vui vẻ lắm, họ hỏi mình trả lời không dứt.

— Bà xem xứ của chúng tôi có chi đẹp không? Cảnh tượng của bà ra sao?

— Bà biết nghe tiếng của chúng tôi không?

— Bà đã thấy chúng tôi mặc quốc-phục chưa? Trong quốc-phục của họ, dân-ông một cái áo « bà-bà » cổ trịt, có túi cũng giống hệt cái



MỘT ĐOẠN

của cô LÊ-THỊ

áo mắt của người Nam-kỳ (có lẽ tiếng « bà-bà » là tiếng « bà lai » nói trại ra, và cái áo cổ gừa của ta có cội rễ trong áo bà-ai chẳng?) với một cái quần tây và một đôi giày tây. Còn đàn-bà thì đi quố cày, mặc một bộ đồ tương tự đàn-bà Âu-châu, song mỗi bên vai có một miếng giống như cây quạt. Thường thường, nữ trang của họ là những sợi dây chuyền kết bằng vòng ngọc, mua với giá hai các bạc để buổi sớm mai đeo vào cổ và chiều ném vô giỏ rác.

Còn cuộc triển-lãm Thượng-lai, sánh với cuộc Phi-luật-tân có khác nhau về phương-dụng phẩm-cách phê-bình của công-chúng. Đây là một cái thị-trởng quốc-tế, cái tri phê-bình của họ nhiều hơn bên Phi-luật-tân. Người đến xem vẫn đông đảo, nhưng họ nhìn vào tranh kỹ-cung hơn. Họ nói đủ thứ tiếng, phần nhiều là tiếng Hồng-mao. Họ cười từng nét mực và họ hỏi tới cách họa của mình.

— Cách họa của tôi là « ý bút », nghĩa là một cây bút dựng trên mặt tấm lụa là phải thành bức tranh.

— Như thế bà có thể họa cho chúng tôi xem chẳng? Và sau khi ấy, chúng tôi sẽ mua một tấm tranh giá mắt của bà (một ngàn rưỡi bạc Đông-Pháp).

Một hai lúc, tôi cũng phải tùy theo ý họ và ngồi họa trước năm bảy mươi khán-giã.

Sau khi tôi hạ bến tàu qua San-Francisco đã bị dời về Manila, tôi lại phải trở qua Phi-luật-tân lần thứ hai bằng chiếc « *Maréchal Joffre* ». Tôi không ngờ thời-cuộc xoay trở, bước chúng tôi phải bước chơn lên đất này một lần nữa cho đến ngày về Saigon: chiến tranh đã làm



NHU' T-KÝ

LÀN nữ họa-sĩ.

thời cấm chúng tôi đi đường Tân-Tiế-gời.

Hôm qua tôi vừa cập bến, quan Huê kỳ xuống xét giấy tờ nhậm-tắc. Họ hỏi từ g người, coi từng mảnh giấy làm cho tôi biết chúng ta đã bước qua thời-kỳ nghiêm trọng rồi. Cả tàu, những hành khách các nước đều lộ vẻ lo sợ, duy có mẹ con tôi không hay không biết chi hết và cứ tưởng tưởng mình sẽ được về Saigon nếu mình không được đi qua Mỹ-châu. Họ xem xét cho đến bảy giờ rưỡi rồi, mới người đầu đội, song chẳng một ai được dùng bữa chiều.

Kết quả: mười bảy người hành-khách bị chủ g cầm lại. Nội cả tàu bảy giờ đều biết rõ như ben ngày rằng đã có chuyện căng-lạnh giữa hai nước Nhựt và Mỹ rồi!

Trong một cảnh hỗn-hối của mọi người, tôi lại được lịch đi khỏi bến, về Saigon chẳng? Té ra là phút sau, tôi nghe máy nhữn. Bước lên tầng trên xem lại, ấy là tàu đối g.

Tất cả các hành-khách dân Huê kỳ ai bị buộc phải lên bờ. Chứng ấy viên Cai-quản tàu là một người Pháp rất lễ phép, cho chúng tôi hay rằng tàu được lịch của nhà chức trách trên bờ phải đợi tại Manila. Người cho chúng tôi biết một cách khôn khéo rằng cái ngày tàu được kéo neo về Saigon vẫn còn vô-định. Sáng ra nhằm ngày 9 Décembre, chiếc « *Maréchal Joffre* » phải ra bờ neo ngoài khơi; nối sau một chiếc tàu lớn khác của Pháp là chiếc « *Sikang* ». Phía sau tàu chúng tôi có chín mươi chiếc tàu của Huê kỳ và Anh cũng neo cách khoảng đều đều như chiếc « *Sikiang* » và « *Maréchal Joffre* » của chúng

ta vậy. Như thế, những thương thuyền chò không biết bao nhiêu hàng-hóa, có trên mười chiếc, đã bị cầm lại trong vịnh Manila.

Được vài ngày vô sự trên mặt biển, tôi về được một bức « bờ biển Manila », trong xa có núi Mariveles: Bức này tôi lại phải cho viên Cai-tàu để đáp ơn cho người, vì con tôi vẫn được nhờ ông chăm nom. Qua lúc ấy, ở dưới tàu mọi người phải ở dưới quyền chỉ huy của cây cối bão động

Manila, ngày 10 Décembre 1941

Ngày nay, sáng ra, trời trong gió mát, những làn sóng bên liên-liếp nhau đập nhẹ-nhẹ vào bờ tàu. Phố xá thành Manila đồ sộ lộ lên khỏi mặt nước biển, còn dân-sự vẫn lao-xao sanh-hoạt tuy là đi bị những tiếng cối bão-động gầm gào trong hai ngày rồi.

Thấy cảnh vật như vậy tuy tôi không vui được, nhưng cũng chưa có chi gọi rằng buồn. Tôi đem đồ ra vẽ thêm một bức tranh nữa, lần này, tôi họa theo trí nhớ: mấy cụm trúc, cành lá lơ-lơ, thân cây uốn éo theo luồng gió nhẹ. Hành-khách ở không, cũng đến xem tôi họa.

Nghe hai tiếng nổ « ùng, ùng » xa xa, tôi nói chơn với con tôi:

— Có phải tiếng « bom » nổ đó không?

Viên Cai-tàu lật đật chạy lên tầng trên coi lại.

— Thật đấy, chúng ta hãy lên xem.

Từ trên, các hành khách và thủy-hủ đã lên đến rồi, cả thấy đều ngỡ tên hành.

(Coi tiếp qua trang 12)

Sté des SUCRERIES & RAFFINERIES de L'INDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur
Sucre en morceaux
Sirop pur suere
Mélasse pour distillerie

BUREAU à SAIGON
11, Place Rigault de Genouilly, 11
Direction générale à HIỆP-HÒA CHOLON

TRU'ONG PHU-NU'

(Tiếp theo trang 11)

Một lần khỏi đèn ngủ-ngủ từ những nóc nhà bay lên không trung. Một người lấy tay chỉ phía trên đầu tôi:

— Kia, bà xem.

Một đoàn phi-cơ, bay cao mà hàng lối chỉnh tề và cùng một màu trắng xóa, lù lù tiến đến rồi bay ngang đầu chúng tôi, tôi đếm được 27 chiếc, chia ra làm ba đội, không khác một bầy cò trắng rủ nhau về núi buôi trời chiều.

Khỏi đầu chúng tôi, bầy chim sắt bay thẳng vào trên thành Manila. Những tia khói trắng xóa, từ những nóc thành xẹt thẳng lên không. Rồi những hạt nhỏ nhỏ và đen đen, bằng trứng vịt, ở trên mây bay rớt xuống.

Tiếng oanh-tạc và tiếng súng cao-xạ đưa nhau nổ lên nghe lẫn-lộn nhau những tiếng « đùng-đùng », và « lạch-lạch ».

— Xin mời tất cả hành-khách xuống tầng dưới lập tức, ở trên này nguy hiểm lắm.

Chúng tôi phải rời cái cảnh của một thành lớn bị hỏa tai, từ phía khói lên mù-mịt.

Một lần khác, trong lúc tôi mắc vào phòng để lấy đồ, còn con tôi thì ở ngoài, tôi lại nghe những tiếng « bom » và những tiếng súng liên-thình nổ gần bên tai chúng tôi. Rồi trên tàu có một cuộc chạy hoảng với nhau, không còn biết trật-tự chi nữa.

Quả nhiên, lần này « bom » nổ gần, có một miếng bay phớt ngang qua cái ống quần của một người hành-khách, làm cho cái ống vải bố đứt như dao cắt. Tiếng nổ dứt rồi, chúng tôi lên trên nóc, thấy một ống hơi bị bể nát. Rớt gần đó một cái miếng « bom » bằng phan nữa cái đĩa trà, một người hành-khách Pháp ở Saigon có lượm cất vào rương để làm kỷ-niệm!

LÊ-THỊ-ÂN.

Quốc-trưởng nói:

Cần lao là phần của con người trên thế, con người phải lãnh nó vì một sự cần không thể tránh.

ĐỀ GIẢI TRÍ

Bốn mươi sáu năm ở khám mà được thưởng

Có một Bà Phước được thưởng lúc bà từng sự tại khám Saint-Lazare.

Quan Hình-bộ Tổng-trưởng Bartheou, lúc già, hay-chương, có nói với bà một giọng khôi hài:

Kể từ 1880 tới 1886 bà ở trong khám Montpellier;

Kể từ 1889 tới 1902 bà ở trong khám Rouen;

Kể từ 1902 tới ngày rày bà ở trong khám Lazare;

Nay Chánh-phủ thưởng Bà vì, trong đời bà, ở khám trọn 46 năm!

Thư dân

Đời vua Henri IV, có một nhà buôn tại Rochelle chuyên nghề bán đèn cây. Ban đầu, anh ta chỉ có chút ít vốn mà thôi nên cuộc thương-mại của anh ta xem ra sơ-sơ. C ch lúc ấy chẳng bao lâu, dân-cư ở vùng châu-thành thấy anh ta làm giàu một cách mau lẹ và bất ngờ. Kể nơi anh ta ở những cuộc hành-vi bất-lương, người đồn nói anh có uối bạn « thời-miê » để đi lấy tiền của người. Tiếng đồn tới tai vua Henri IV nên vua đã để ý đến tên người thương-gia ấy. Bữa nọ, giữa đêm, vua thức dậy và sai một người tới lại cửa hàng lấy này động cửa rầm rầm để mua một cây đèn cây, vua lại cấm người tới nói « ua cho ai và đừng làm gì. Trong lúc bạn-bè ở trong tiệm đương ngon giấc, anh chủ tiệm thức dậy bán một cây đèn cây và cũng không hỏi một tiếng chi hết.

Từ đó sắp-sau, có ai phi bán người đại thương-gia ấy nữa thì vua trả lời:

— Tôi biết phép thời-miê của nó để lấy của người: là trong ai cũng mê thế, nó chịu khó thức dậy để bán lấy lời!



Vợ. — Kề gì cả ngày không biết nói chi hết.
Chồng. — Ở chung với mình, thì nó có chỗ đâu mà xez vô?



Một vài con số cao nhất

Những chỗ cao hơn hết trong hoàn-cầu:

- Cái chót núi cao hơn hết trên mặt đất là Everest cao 8.882m ở Á-châu.
- Cái hồ ở cao độ nhất cũng ở Á-châu, kêu là Tjid-Tjang-Tao: 4.870m.
- Cái làng ở cao hơn hết ở Âu Mỹ kêu là Tacora: 4.344m.
- Ở Phi: làng Saint-Viran ở khỏi mặt đất được 2.010m.
- Nhưng nhà thờ có mũi tên cao là "cathédrale de C logne (156m) và kế đó Cathédrale de Rouen (150m), còn những tháp Ai-cập (pyram de d'Egypte) có một cái c ót cao nhất là 142m mà thôi.

Những chỗ sâu hơn hết

- Ở Thái bình-dương, gần Phi-luật-Tân có chỗ sâu đến 10.500m.
- « Rừng hoa kết » các cái hồ, có Victoria Nianza, ở Phi-châu: 83.000km².
- « Đồi hơn các sông » có le Nil: 6.400m, ở Phi-châu.
- « Lớn » hơn các châu, châu-A: 41 triệu kms.
- « Đông » hơn các châu-thành: New-York 7 triệu dân (Theo « Je sais tout »).

**

Trong nước biển cũng có vàng

Trong nước biển có vàng, mỗi một km³ có một số vàng giá 10 « centimes ». Tính ra, mỗi km³ có gần 500 triệu quân tiền tây (500.000.000f).
Người ta có thể lấy vàng này ra được bằng hùng phương pháp tốn-kém bằng hai lần giá vàng thường.

**

Tiệc của mấy ông xa bên Pháp

Ngày 22 Septembre 1900, nhơn dịp ngày lễ kỷ-niệm Đế-đệ nhất Dân-quốc Cộng-hòa, chính-phủ Pháp có mời tất cả các vị Xá-trưởng đến Paris dự tiệc.
21.000 vị Xá-trưởng có mặt.
Mà đồ ăn-phục, các ông vào chật cái huê-văn chung quanh đến Tuileries. Tại đó, có cất sẵn nhiều nhà tiệc riêng riêng-rời.
Đang vừa lòng các ông, người ta phải cần dùng:
4.800 chú gà ăn và đầu bếp; 2.000 kilos cá mỗi tươi; 2.430 con cò g; 2.500 à giò; 2.001. mayonnaise; 6.000 trái đào; 1.000 kilos nho; 50.000 ve rượu chát; 3.000 l. cà-phê; 250.000 đĩa bàn và 8.000m. mặt bàn.

Bả có bán:

« Nam-kỳ Danh-nhân »
giá: 3 \$ 00 thêm: 0 \$ 47 cước-phi.
Mua sỉ và mua lẻ nơi:
27, Đào-văn-Hội
Tòa-bố Sốctrắng.

Đọc truyện Tàu

(Tiếp theo trang 8)

truyện Thủy-Hử thiết đã học đặng bút pháp của Thái-văn-Công ».

Tác-giả truyện Thủy-Hử Thi-Nại-Am Tiên-sanh, là người Thôi-An, sinh đời cuối nhà Nguyên, thi đặng được bổ làm quan ở Tiền-Đường, nhơn vì bất đắc-chí (cũng như Khuất-Nam-ýen) bỏ chức mà đi. Sống được 75 tuổi. Khác hẳn với các thi-giá, văn sĩ khác của nước Tàu, một lần bất đắc-chí bỏ quan đi là tìm thú ở ẩn, sống với rau trái, vui với trăng hoa. Thi-Nại-Am suốt đời chỉ hoài bão một cái đại-chí, một tấm lòng yêu nước, thương dân.

Cái hoài bão ấy đã học bạch rõ ràng trong Truyện Thủy-Hử — đoạn sau sẽ nói.

Mà cũng chính vì cái hoài bão ấy, Thi-Nại-Am mới viết thành bộ truyện chúng ta đang bàn đây!

Khi ở ẩn, trong một dãy rừng còi gần làng, Thi-Nại-Am trước thuật, ngoài bộ truyện Thủy-Hử, còn mấy bộ giá trị trước đợc sau này: Tam-quốc-chí diễn nghĩa, Tây-Đường diễn nghĩa; Tam-Toại hình yêu v. v...

Truyện do Thi-Nại-Am viết đều có bi-quyết của sự thành-công về văn-thuyết của bậc văn học gia.

Trước khi viết bộ truyện Thủy-Hử, Thi-Nại-Am đã phát họa chương trình thế này: « Nhờ một họa sĩ trừ-danh vẽ trên tường một bức họa chủ yếu có ba mươi sáu nhơn vật. Bức vẽ ấy, Thi-Nại-Am đem treo ở thư-phòng, ngày đêm chăm-chú nhìn xét tỉ mỉ, tỉ mỉ màu. Cứ thế trải qua một thời gian khá lâu, những đến nhận xét trên bức họa in sâu vào óc Thi Nại-Am.

Lúc bấy giờ tên sanh mới đem giấy mực để ở bàn đối diện cùng bức họa bắt đầu viết. Ban sơ Thi-Nại-Am định chỉ lấy 36 nhơn vật trong tranh làm 36 nhơn vật chánh trong truyện, nhưng khi hạ bút-thao thao bất tuyệt, Thi-Nại-Am tăng làm ba lần con số ấy lên, thành 108 nhơn vật!

Có kẻ đã bảo, nhờ xem bức họa ấy mà tính thần sáng suốt ra nên Thi-Nại-Am khi đặt viết là có thần-linh ám trợ nên mới có được cái cũ-chỉ như sống trên mặt giầu kia.

(Còn nữa) **Mộng-Tiên**

Rác-si Calmette

(Tiếp theo trang 2)

Bác sĩ Calmette lại còn có tài tổ chức. Chính ngài sáng lập v-viên Pasteur ở Saigon thường gọi là nhà thương thuốc chó, y viện Pasteur thành Lille. Sở B.C.G. ở Paris, và cổ động y viện Pasteur ở Alger. Nhờ tài tổ chức châu đạo của ngài nên đến giờ các sở ấy cái nào cũng có kết quả đẹp.

Cũng như ông Yersin, mặc dầu danh vang lừng lẫy, bác sĩ Calmette rất khiêm tốn, hiền từ và giàu lòng yêu. Trọn đời ông, ông cứ quên mình để lo cho kẻ khác. Lúc ở thành Lille, nhờ công khảo cứu của ông một nhà kỹ nghệ, ông Calmette được lời nhiều và tặng cho ông 300.000 quan. Năm 1895, 300.000 quan có giá trị bằng 300.000 \$ bây giờ. Tuy giá thế không khá, bác-sĩ Calmette hiến tất cả số tiền cho y viện Pasteur thành Lille đang cất. Một cử chỉ biết bao đẹp đẽ. Không bao lâu trước khi nài mất, ngài còn nói: « Đời gần tàn nhưng trước khi nó dứt tôi muốn cứu sống được một số đồng trẻ nhỏ. »

Gương cao thượng ấy hợp với bao gương khác, là một hằng chứng của đời sống tri thức và tinh thần vô cùng thanh cao của nước Pháp.

Giới-thiệu sách

Tác giả của quyển sách mới xuất bản « Le Régiment de Walsh » là một thanh-niên Pháp, ông André Coné.

Sanh trưởng ở một gia-quyển đã sanh-hoạt trên đất Việt cả ba đời người, tác-giả là một người bạn của thanh-niên Annam.

« Le Régiment de Walsh » hiện quyển sách mới, xưa là một cơ binh đã chiến đấu dưới ngọn cờ của Đức Cha d'Adran, để tiếp giúp cho Cao-Hoàng phục quốc.

Viết trong một điệu văn-chương giản-dị, in bằng một thứ giấy thiệ-tốt, có hình, bia rất đẹp, quyển này bán ra để giúp những công cuộc của Thanh-Niên Đông-Pháp.

Chúng tôi có lời giới thiệu cùng đọc-giã.

N. K. T. B.

Họa-sĩ VĂN-GIÁO triển-lãm tại Hôtel de Ville

Được mời, chúng tôi có đến xem cuộc triển-lãm bắt đầu từ ngày 12 Novembre 1943.

Chúng tôi có lời cảm ơn họa-sĩ.

Ông Văn Giáo là một nhà cảnh-họa (paysagiste) đã có triển-lãm nhiều lần tại Hanói. Trong 85 bức tranh phở bày, chủ-gi tôi được thấy nhiều bức có cái sắc-lệ hồn xư và có lắm đề-ti thi-vị.

Hồ Hoàn-Kiểm, sông Hương, và nhiều cảnh tượng xinh đẹp khác trên đất Việt.

Đến xem mời rõ tài nhà cảnh-họa.

N. K. T. B.

Bảng giá, song chắc, tốt, đẹp bằng mười ghê xích-đu

Ghế xếp hiệu

toàn bằng gỗ, bố làn thối, nhẹ nhàng, đem đi rất tiện.



Xưởng đóng: 149, Route Coloniale N° 1 Giadinh

Đã bán tại: Hàng Charner. — J. Linh, Nguyễn-văn-Trận — Mua sỉ do: Công-Minh.

DO PHONG GI

Sanh nhưc mỗi, đau lưng, tê bại, sưng, ngứa ngám, mề đai, ghê l c. Uống TRÚ PHONG GIẢI ĐỘC HUỒN của Nhà thuốc « HAY » Cánhờ MẠNH-LIÊN. Uống ít nhuận trường, n'ieu thì xỏ. Đàn bà sanh con có phong đen ghê nuôi không đng, uống đười phong sau sanh con nuôi đặng. Mua lẻ từ 5\$00 khỏi chịu tiền gửi. Giá: 0\$80 Không bị thay. — Cầu mỗi chỗ một Đại-lý.

Tổng Đại-lý Biên-hòa: Huỳnh-trí-Đầm Rte Cie N° 1.

Maison LIÊN-HOÀ

Máy y-phục phụ-nữ và đồ Short trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemises và áo bà-ba thêu.

Mme TRƯƠNG-CÔNG-MÙI

N° 108-110 Lagrandiere,

gần chợ-mới Saigon

Tel. 21.780



(Tiếp theo)

CÓ một mình con.
— Cha cha! Vậy thì qui lắm. Con về hồi nào?
— Hồi chiều.
— Con có cho thấy con hay rồi chưa?
— Thấy con còn ở dưới Trà-vinh.
Hai cha con nổi gót nhau mà vô nhà.
Ông Bồi thấy trông nhà im-lim thì hỏi:
— Nhà ngủ hết rồi sao?
— Thưa ngủ hết.
Thị-Mùi đỡ mừng chun ra hỏi chồng:
— Ăn cơm rồi chưa mà tới chừng này mới về?
— Ăn rồi.
— Tôi tưởng ở đánh luôn đêm nay nữa chớ.
— Sáng mai tôi mặc đ. Dừa-Đỏ; đánh nữa tôi mệt, sáng mai đi sao nữa. Tôi muốn xen hồi chiều kia chớ, bị chú Cả Tư chủ thua, cứ cứ nài đánh rần cho chú gỗ, nên cứ nhẩy đến 8 giờ đôi bụng quà mới xen được.
— Đánh bao nhiêu vậy?
— Năm cái.
— Ông ăn hay thua?
— Ăn một trăm ngoài. Hồi xẽ tôi ăn gần 5 trăm. Cúi hoa bị thướng một báo hoang, rồi bại xuống nước, là u tôi thua lại.
— Định với ai vậy?
— Tại cũng mấy tay củ, ông Hương-quan, chú Cả Tư, cô Năm voi tôi, chớ có ai lạ đâu.
— Chắc cô Năm ăn. Thung này cỡ lên lắm, nghe noi cô ăn luôn luôn.
— Bữa nay có đủ vốn. Ông Hương-quan ăn ít chực. Có một mình chú Cả Tư thua.
— Còn mình khá Lớn?
— Thua. Bữa nay lại xấu quá, đánh không được. Tôi ghét tôi xen sớm.
— Ông nói sáng mai mặc đ. Dừa-Đỏ, đi có việc chi vậy?
— Nghe nói Hương-bộ Hòa có con gà cú

hay lắm. Tôi tính xuống coi như thiệt (tốt thì bắt về nuôi).

— Mới tháng này mà lo gà.
— Phải k ế u lần đi chớ. Trên tay Phò, dưới ông B, họ sai người đi k ếm gà cũng hết. Minh thông lo trước, rồi tôi mua đầu có gà mà chơi với họ.

Ông Bồi mấy năm nay không lo trồng lúa chi hết, ông bỏ p' ẽ mầu đất giồng chung quanh nhà cho chủ điền làm sao thì làm, còn sở ruộng trong Suối-Can thì ông cho người ta mượn, ông khỏi lo cấy gặt. Mùa ướt ông cứ thả đi danh từ súc, rồi đến mùa khô thì ông d' gà, vùn-vờ trong tay những tượng sĩ tượng, xe pháo ngựa, hoặc những gà xám gà điều gà ô, ông chẳng hề có ng' ỉ đến việc gì khác. Trong những dịp đi ăn đám giỗ hay là ngồi luật, (à n với anh em, nếu có ai nói đ n (trung-lai) của chú ông- qe thì ông trẻ mới, cho việc ấy không phải phải-sự của ông; nếu có ai khuyên mới làm việc lợi ích, chẳng thì ông ngán mặt, nghi ý đó là uyên-tướng của phường xảo trá. Cũng như nh ều bạn đồng thời chung quanh ông, tuy không nói ra, song ông rất tự hào với tài-lộ và cư-xử của ông. Ông tin chắc ông được hưởng thú phong-lưu hoàn toàn, tội nghiệp ông k' ông d' thú phong-lưu ấy mỗi ngày tràn ra một chút, tràn cách êm-dềm, lần lần làm cho sự-nghiệp ông suy bại, làm cho gia-dình ông tan hoang, mà còn làm cho danh dự ông thấp hèn, là u cho tinh-thần ông giảm bớt.

Như ông nói chuyện với vợ này giờ thì đủ thấy trí của ông. Sự lo hiện thời là lo đá h bãi, có thể lo tương-lai là lo mua gà hay mà nuôi để g ết mùa khô có má đá với họ, chớ không phải lo làm cho lớn thêm sự-nghiệp hay là lo gieo hóa con cái trong nhà. Tình cờ ông đi lại đến đốt thuốc mà lút, ông thấy Qui đứng xỏ-rở gần đó, tự nhiên ông hỏi con, hỏi mà

không chú ý lắm :

— Té ra trường Càng-Long có một mình con đầu ?

— Dạ, có một mình con.

— Thôi, con khỏe rồi, bặt lo nữa.

Quý sứt-sẻ dự-dự, rồi nhỏ-nhẹ nói : « Con muốn xin cha cho con lên Saigon học ».

Ông Bồi còn suy nghĩ, chưa kịp trả lời với con, thì Thị-Mùi hốt mà ròi : « Trời ơi ! Đi học trên Saigon tốn hao lung lắm ; khéo bày chuyện đặng đi xài tiền, làm biếng làng phứt cho xong ; có lương ăn, lại khỏi thất công đi học ».

Ông Bồi nói : « Con nít mà làm biếng, nòi gì ».

Quý ròn-rén thưa : « Con muốn học đặng lấy bằng thành-chung ».

Thị-Mùi chặn mà đáp : « Sợ thành yêu thành quý, chớ thành chung, Nè, tôi nói cho ông biết, tôi cực nhọc mà nuôi hai đứa con của ông trót 10 năm nay, tôi nghĩ thiệt uổng công tôi lắm. Nuôi cho chúng nó nên vai nên vóc, rồi bây giờ con Mỹ (1) nó bắt đầu trả ơn cho tôi. Rồi đây thằng Quý cũng vậy, chớ không khác gì. Thiệt mang cái chức mẹ ghê đã không được ơn, mà lại còn mắc oan ».

Ông Bồi nghiêm nét mặt mà an-ủi vợ :

— Con trong nhà nó có đại làm lòi chỗ nào thì mình la rầy nó, chớ giận hơn mà làm chi.

— Thôi, thôi, tôi không dám la rầy ai hết. Rất dỗi tôi không dám nói động tới nó, mà còn mang tiếng oan, nếu tôi la rầy rồi mới ra làm sao nữa.

— Con Mỹ nó làm sao mà mình giận nó ?

— Nó nói với thiên-hạ ngoài chợ rằng tôi là

người không ra gì. Mẹ nó hồi trước làm đồ mớ hôi xốt con mắt mới có của mà để lại. Tôi xăn-xả nhẩy vô hưởng của mẹ nó, mà lại còn hân-hủi chị em nó.

— Con Mỹ thiệt-thà lắm, có lẽ nào nó nói nhiều chuyện như vậy.

— Hừ ! Nó mà thiệt-thà ! Nó còn nói nhiều chuyện khác nữa, song họ sợ tôi giận, nên họ không dám thuật hết lại cho tôi nghe. Ông kêu nó dậy mà hỏi coi nó nói giống gì thì biết.

— Con mà đi nói xấu cho mẹ, thì có lỗi nhiều. Nếu thiệt quả có như vậy thì tôi trừng trị nó. Mà nó nói với ai như vậy đó ?

— Nó nói với mọi người ngoài chợ.

Mọi người là ai ? Báu mình kể tên vài người cho tôi biết đặng tôi hỏi lại cho có chừng cỡ rõ ràng mà làm tội nó chớ.

— Tôi có biết nó nói với ai đâu mà chỉ.

— Vậy thì chuyện mớ-hồ, có căn cứ gì đâu mà giận nó. Không biết chừng người ta muốn cho xao-xáo trong nhà mình, nên người ta bày chuyện mà nói.

— Ông một phe với con, nên ông bình nó hoài.

— Không phải bình. Dầu việc gì cũng vậy phải lấy công tâm mà phán đoán chớ. Tôi làm cha, tôi biết trị con, nhưng nếu con thiệt có lỗi thì mình mới trị, chớ nó vô tội, mà mình đánh nó thì nó có phục mình đâu.

— Thôi, tôi biết rồi. Tôi sẽ để nhà này cho cha con ông ở. Có tôi ở đây, của con ông không vui. Hồi ông muốn cưới tôi, thì tôi đã ái-ngại về chỗ mẹ đẻ con ông. Tôi sợ mà rồi không khỏi mang tiếng ác.

— Mình đừng có nói vậy. Hễ giận thì đòi đi. Đi đâu ?

— Tôi vô trong giồng kiếm đất cất chòi mẹ con tôi ở.

— Có lẽ nào mà làm như vậy.

— Chờ ở đây, con ông cứ nói xấu cho tôi, thì ở sao được.

— Mà ai học với mình rằng con Mỹ nói xấu mình kia ?

— Thím thợ Hai.

— Chắc con Mỹ nó nói với thím hả ? Để mai tôi dắt con Mỹ ra cho giáp mặt thím mà hỏi cho ách chất.

(Còn nữa)

(1) N.K.T.B. số 59 ngày 4-11-43 ấn-công sắp lộn có Mỹ 28 tuổi, xin đọc lại có Mỹ 18 tuổi.



PHẢI dùng như vậy, chớ nếu không dặng, thì con người ta có sức-lực, có nghị-lực để mà làm gì ? Có tí như thầy dạy đề mà làm gì ? Trại lại hỏi, có khoa-học, có nghệ-thuật để mà làm gì, nếu người bệnh có những điều hay đó mà không tự cứu lấy mình được khỏi chết ?

KIẾM - HIỆP TIỂU - THUYẾT
do Thân-Văn
◆ Nguyễn-văn-Quý ◆
dịch truyện :
Le Vicomte de Bragelonne
của Alexandre DUMAS

(Tiếp-theo)

Guénaud muốn mở miệng nói thì Mazarin tiếp :

— Thầy hãy nhớ rằng trong các thân-chủ của thầy tôi là người tin-cậy nơi cái tài của thầy hơn hết. Tôi nhắm mắt vưng lời thầy, bởi vậy cho nên...

— Thưa ngài, mấy việc ấy tôi đã rõ.

— Vậy thì tôi sẽ mạnh à ?

— Thưa ngài, không có nghị-lực, sức-lực, tài-trí, khoa-học nào mà đương-dầu nổi với cái hại của Trời gieo xuống, hay là rưới xuống lúc mới tạo ra địa-cầu này, cái hại dầy-dủ sức lực làm cho tiêu-diệt và giết người. Cái bệnh khi nó phải chết thì nó giết người bệnh liền, không làm sao cần được...

— Vậy thì căn-bệnh của tôi... là... phải chết sao ?

— Thưa ngài, nhầm.

Mazarin nghe nói ngơ-xuống không khác một người bị cây ngã đè... Song ngài là một người đã rèn-đúc được một cái tâm-hồn cứng-rắn, đến phút cuối-cùng cũng còn hi-vọng, bởi vậy ngài chời đây nói :

— Này, tôi xin hỏi ý-kiến thầy. Tôi muốn hội cả danh-y ở Âu-châu lại, tôi muốn họ trị bệnh cho tôi... Thứ thuốc nào cũng được, miễn cứ tôi sống thì thôi.

P. NGUYỄN-THƯỢNG-HIỀN
COI TAY
và vẫn ở số nhà 251, Đường Lagrandière
SAIGON

thì ngài sẽ thấy mấy thứ bệnh nan-y mà chúng tôi đã tìm ra. Trước hết thì bệnh...

Mazarin khoát tay nói :

— Thôi, thôi, tôi không cần xem, tôi xin chịu, tôi xin chịu.

Tế-tướng lặng-thình một hồi lâu để định trí lại và lấy sức để chống-chối với căn-bệnh. Ngài nói :

— Còn có thể khác nữa. Mấy ông không trị tôi được thì tôi tìm mấy ông thầy ngoại-khoa và mấy ông thầy pi-ù-thủy. Ở xứ tôi, những bệnh nào mà thầy chạy thì họ mua thuốc của thầy phù-thủy uống cầu may. Cái số bệnh họ giết mười thì số bệnh họ cứu sống kẻ hàng trăm.

— Thưa ngài, ngài có thấy rằng từ một tháng nay tôi đã dỗi mười lần thuốc rồi chăng ?

— Phải... rồi sao ?

— Thưa ngài, tôi đã xài năm chục ngàn liu để mua mấy thứ thuốc gia-truyền đó. Tôi không còn tìm ra thứ thuốc nào nữa hết. Thuốc đã hết mà túi tiền của tôi cũng đã xẹp. Tôi xin thề thật rằng ngài không mạnh được và nếu không nhờ tôi thì ngài đã chết rồi.

— Vậy thì hết trông rồi !

Ngài ngó xung quanh, nhìn cửa-cái của ngài, sắc mặt rất âu-sầu.

Ngài thở ra, buông tiếng than :

— Cửa-cái này ta phải bỏ lại ! Tiếc thay ! Ta chết rồi ! Ta chết rồi !

— Thưa ngài chưa chết đâu mà ngài sợ.

Mazarin bèn chụp tay thầy, hỏi mà cặp mắt thì ngó chông-chọc vào cặp mắt Guénaud :

— Chừng nào tôi mới chết ?



Agents Exclusifs : BOY-LANDRY

AVIS D'APPEL D'OFFRES

BUDGET GENERAL

Lieu date et heure de l'appel d'offres: Bureau de l'Ingénieur en Chef de la Circonscription des Travaux Publics de Cochinchine, à Saigon, le Jeudi 15 Novembre 1943 à 10 heures.
OBJET: Livraison de matériaux d'empièchement nécessaires, pendant l'année 1944, au rechargement des chaussées des Routes Coloniales dépendant de l'Arrondissement du Nord.

NUMEROS des lots	SUBDIVISIONS	ROUTES	SECTIONS à recharger	QUANTITES DE MATERIAUX à fournir		IMPORTANCES approximatives	DÉLAIS de livraison	CAUTIONNEMENTS	
				Cailloux 4/6	Latérite			provisoire	définitif
1	Bienhoa	1	du PK. 1774 au 1778	1900m ³	500m ³	17.700\$	4 mois 1/2	300 \$	6.000\$
2	id.	1	du PK. 1824 au 1835	2200	1257	23.975	6 mois	400	8.000
3	id.	1	du PK. 1848 au 1850	770	315	7.735	2 mois 1/2	130	2.600
4	id.	1	du PK. 1859 au 1869	1550	415	15.275	4 mois	235	5.100
5	Gia Linh	1	du PK. 1915 au 1918	730	1200	21.600	3 mois 1/2	360	7.200
6	id.	1	du PK. 1918 au 1920+5	1800	1300	4.130	5 mois	700	14.000
7	id.	1	du PK. 1922 au 1924	1730	1480	34.080	5 - 2	570	1.140
8	id.	1	du PK. 1924 au 1927	1730	1480	34.080	1/2	570	1.140
9	id.	1	du PK. 1935 au 1937	1310	740	25.420	»	425	8.500
10	Tây Ninh	1	du PK. 1946 au 1950	1490	3675	40.500	»	665	13.300
11	id.	1	du PK. 1952 au 1957	1685	2685	9.025	3 mois 1/2	500	10.000
12	id.	1	du PK. 1963 au 1966	1680	»	25.200	3 mois	430	8.600
13	id.	1	du PK. 1969 au 1970	300	975	9.225	2 mois 1/2	155	3.100
14	Thudaumot	13	du PK. 30 au 30+9	300	600	8.040	2 mois	145	2.900
15	id.	13	du PK. 39 au 61	1000	1000	24.000	4 mois	400	8.000
16	id.	13	du PK. 61 au 63	1000	1000	24.000	4 mois	400	8.000
17	id.	13	du PK. 112 au 113	550	»	4.400	2 mois	75	1.500
18	id.	14	du PK. 135 au 165+4	180	150	3.450	2 mois	55	1.100
19	Bienhoa	15	du PK. 37 au 39+603	825	360	8.040	2 mois	135	2.700
20	id.	15	du PK. 38 au 69	1605	445	15.065	4 mois	250	5.000
21	id.	20	du PK. 68 au 78	2200	550	20.350	5 mois	340	6.800
22	id.	20	du PK. 123 au 137+2	1760	435	16.258	4 mois	270	5.400
23	Tây Ninh	22	du PK. 65+2 au 80+6	1100	2300	25.700	6 mois	430	8.600
24	id.	22	du PK. 136 au 140+59	2650	»	39.300	5 mois 1/2	650	13.000

Lieu et heures de consultation du dossier: Bureau de l'Ingénieur principal, Chef de l'Arrondissement du Nord, à Saigon, aux heures ordinaires d'ouverture des bureaux.

— Thừa ngài, chuyện ấy không thể nói được.

— Tôi muốn nghe, thầy cứ nói. Thôi, t'ây cho tôi sống một tháng nữa, rồi mỗi ngày vậy thời tôi trả cho một trăm ngàn lìa.

— Thừa ngài, những ngày sống sót của ngài thì Đức Chúa Trời cho còn thì cho không được. Theo như tôi thấy thì Chúa chỉ cho ngài còn sống được mười lăm ngày nữa mà thôi.

Mazarin thán một tiếng dài rồi nằm phịch xuống gối nói nhỏ-nhỏ: « Cảm ơn, Guénaud, cảm ơn ! »

Guénaud vừa bước ra thì Mazarin lại chời dậy, dặn:

— Thầy kín miệng à ! Đừng sợ lậu, nghe !

— Thừa ngài, từ hai tháng nay tôi biết ngài chết thế mà tôi vẫn giữ nhiệm, ngài không thấy sao ?

— Thôi, thầy về đi, tôi sẽ đĩ ý tới sự-nhiệm của thầy trước khi đi chết, không để cho thầy ngạo đầu Thầy báo Brienne gọi một viên thám tử vào cho tôi dạy việc, kêu Colbert vào đây. Thôi, thầy đi đi.

XLIV

Lúc bấy giờ, Colbert đang ngồi ở phòng ngó i. Trọn buổi chiều, Colbert nói chuyện với Bernouin và Brienne, phê-bình nhữn: tin tức đã xảy ra, vấn đề nghe tạo nhữn mà lĩnh hoạt, cái giọng-văn đề dàng của các quan ở triều.

Có lẽ cũng nên dùng vài câu đề tài c'ơn-dùng của Colbert là người đã thủ một vai trọng-yếu trong thế kỷ này và phải tá cho dự g theo như họa-sĩ đương thời đã vẽ về vậy. Nói về cái đời của Colbert thì n'á viết-sử vậy mà nhà đạo-dức củ g vậy, đều đồng ý-kiến c'ơn-tụng.

Lứ thuật tru ện này thì người lớn hơn vua Louis XIV mười ba tuổi.

Vớ: người nhô sê, óm, cặp mắt lũng vô, tóc đen mà i, cho nên người hay đội một cái mũ nhỏ. Trong cái mũ của người có vẻ nghiêm-ngọng, thêm g'at-gao nữa. Về g'at-gao ấy biểu-hiệu cái lòng ngay-thắn, mà kẻ dưới tay họ thấy vậy họ cho là kiêu-c'ang, còn người trên-trước lại cho rằng-nhân-d'ức. Sắc-mặt luôn luôn buồn-bực, dấu cho đứng trước kiêu-sâm-soi lấy mình cũng vậy.

Đó là bề ngoài của Colbert.

Còn bề trong? Người ta khen Colbert có tài tài h-toán, ngoài ra lại là người đa mưu túc trí, có thể làm cho có kết-quả những chuyện mà người ta cho là khó-kh'han, không có thể làm được.

Thi-dụ như người nghĩ ra cách bu'oc các quan trấn ở mấy tỉnh biên-thùy phải dùng tiền thuế mà nuôi quân-lính đồn trú nơi đó, khỏi trả lương. Cái đức tánh qui-bau ấy làm cho Mazarin đề ý, cho nên quân-đốc-gia

của ngài là Joubert chết rồi, thì ngài cho Colbert thế chỗ ấy.

Nhờ sự đ'ồ-dầu đó, Colbert mới lần l'ôi bước chon vào triều mặc dầu người là con của một anh bán rượu ch'át, bán đ'ơ-ra và hàng-lua.

Trước khi bước vào ho'an-tr'ường, Colbert giúp việc cho một chủ lái buôn ở thành Lyon, sau lại thôi về Paris vào làm ở phòng-văn quan B'ien-lý ở Cl'aretet tên Biterne. Colbert học được cái thuật h'inh-to'án.

Nhờ tánh ngay-thắn mà qua năm 1648, Colbert lại đ'ược quan Thượng-th'ơ Michel Lefebv'ier trọn-d'ụng. Một ngày n'o, Colbert đ'ược lệnh đem l'ột bức thư cho T'ê-t'ướng Mazarin.

Năm ấy, T'ê-t'ướng rất mạnh-kh'ỏe, ch'ở không phải ương-y'u như ngày nay. Ngài ở Sedan, đứng rồi-t'ừ vì một chuy'ển đ'ể xiv ra ở triều mà trong chuy'ển ấy đương như Hoàng-th'i-h'ậu Anne d'Autriche không muốn b'inh-v'ực cai lý của ngài. (Còn nữa)

PHƯƠNG PHÁP TRỊ BỆNH HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông ta để lại hay quá. Nửa này chỉ để giúp người ở thôn lam. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lành, còn bệnh nặng như tiếng tắc, mệt và nóng h'ơn liên miên, to: cho uống thì chỉ thấy h'ơi trong một lúc, không hết; ch'ợt c'ou như bệnh ho c'ou ra thì nặng như nói trên và những ch'ợt ho thương như: ho ra máu, ho khan, ho đ'ảm, ho g'ò, ho phong v'ấn v'ấn thì uống mau lành lắm. Con người bị te bị đánh động p'ôi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có n'ều người dùng thấy hay, khuyên khách tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này n'ắc qua nên tôi không m'ou. Nay người ta khuyên kh'ích qua và tôi nghĩ lại có n'ều bệnh t'òn bạc ngàn mà không hết thì thuốc này sánh-h'ư g' không m'ắc gì, nên tôi làm ra và đưa n'âu mỗi ve uống một tuần thì giá 12 \$ m'et. Tùy theo bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành bệnh.

Đùng thuốc này r'ở ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa ch'ợt m'ón ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận b'ình mới mau lành. (Tôi có c'á r'ở trong toa). Trong đ'op có h'ít đ' thuốc uống: 1 thứ uống nhưn' tr'ường đ'ười đ'ảm trong phổi, ra đ'ại tr'ường; 1 thứ bỏ phổi trị ho. Vậy ai muốn mua, viết thư đ'ặc mandat đ'ể:

Monsieur NGUYỄN-VAN-S'ANG
(tr'ư Hương giáo làng Tân-Qu'oi
Boite postale n'° 10 (C'ÁNH-TH'Ơ))